

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17/3/2020.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lâm Kim Mến.

2. Bà Lý Thị Đào.

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 339/2019/TLST-HNGĐ ngày 13/12/2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Kim Thị Sô N, sinh năm 1994 (có mặt).

Địa chỉ: Số 73, ấp SL 1, xã TĐ, huyện MX, tỉnh ST.

- Bị đơn: Ông Lâm Thanh T, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Số 17, ấp TG, xã TĐ, huyện MX, tỉnh ST.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lâm Thị Ngọc H (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp TG, xã TĐ, huyện MX, tỉnh ST.

2. Bà Lâm Thị Ngọc L (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp CG 1, xã TĐ, huyện MX, tỉnh ST.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 19/08/2019, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên toà, nguyên đơn bà Kim Thị Sô N trình bày: Bà và ông Lâm Thanh T kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện MX,

tình ST. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã xúc phạm nhau dẫn đến cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, kể từ tháng 5 năm 2019 đến nay bà và ông T không còn sống chung. Nay bà N xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau, đời sống chung không thể kéo dài nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Lâm Thanh T.

Về con chung: Có 02 người con tên Lâm Ngọc T, sinh ngày 28/01/2015 (hiện nay đang sống với ông T) và Lâm Thanh T1, sinh ngày 23/10/2017 (đang sống với bà N). Bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Lâm Thanh T1, đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Bà N đồng ý giao con chung tên Lâm Ngọc T cho ông T nuôi dưỡng đến trưởng thành, bà N không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà N và ông T có số tiền 36.000.000 đồng và 1,5 chỉ vàng 24k. Trong thời gian chung sống bà và ông T cho bà Lâm Thị Ngọc H (mẹ ruột ông T) vay số tiền 16.000.000 đồng và 1,5 chỉ vàng 24k; cho bà Lâm Thị Ngọc L (dì ruột ông T) vay số tiền 20.000.000 đồng. Trước đây bà N có yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H trả số tiền 16.000.000 đồng và 1,5 chỉ vàng 24k; buộc bà L trả 20.000.000 đồng cho bà và ông T để yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi số tài sản chung nêu trên.

Tại đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 27/02/2020 và tại phiên tòa hôm nay, bà N rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đòi với tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết về số nợ 16.000.000 đồng và 1,5 chỉ vàng 24k đã cho bà Lâm Thị Ngọc H vay và số nợ 20.000.000 đồng đã cho bà Lâm Thị Ngọc L vay.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản hòa giải ngày 03/01/2020 và tại phiên tòa, bị đơn ông Lâm Thanh T trình bày:* Ông và bà Kim Thị Sô N kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn vợ chồng cùng đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh, trong cuộc sống vợ chồng cũng có mâu thuẫn, nhưng mâu thuẫn không lớn đến phải ly hôn. Nhưng nay bà N kiên quyết yêu cầu ly hôn, ông cũng đồng ý ly hôn với bà N.

Về con chung: Ông và bà Ni có 02 người con tên Lâm Ngọc T, sinh ngày 28/01/2015 và Lâm Thanh T1, sinh ngày 23/10/2017. Nếu vợ chồng phải ly hôn thì ông T yêu cầu được nuôi con chung tên Lâm Ngọc T đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Đồng ý giao con chung tên Lâm Thanh T1 cho bà N nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống, ông T và bà N có cho bà Lâm Ngọc H vay số tiền 16.000.000 đồng và 1,5 chỉ vàng 24k; cho bà Lâm Thị Ngọc L vay số tiền 20.000.000 đồng. Đây là tài sản chung của vợ chồng, nhưng ông và bà N tự thỏa thuận về tài sản chung nêu trên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị Ngọc L đã được Tòa án cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự nhưng bà L không chấp hành và tại phiên tòa, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng bà H và bà L vẫn vắng mặt không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bà Lâm Thị Ngọc H và bà Lâm Thị Ngọc L. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Kim Thị Sô N rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung, không yêu cầu bà Lâm Thị Ngọc H và bà Lâm Thị Ngọc L thanh toán nợ. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia tài sản khi ly hôn.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 218; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Kim Thị Sô N được ly hôn với ông Lâm Thanh T; Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Kim Thị Sô N về chia tài sản chung khi ly hôn; Về con chung: Giao cho bà Kim Thị Sô N được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lâm Thanh T1, sinh ngày 23/10/2017 đến tuổi trưởng thành. Giao cho ông Lâm Thanh T được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lâm Ngọc T, sinh ngày 28/01/2015 đến tuổi trưởng thành. bà Kim Thị Sô N và ông Lâm Thanh T được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở; Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Kim Thị Sô N và ông Lâm Thanh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét; Về nợ chung: Không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị Ngọc L và bà Lâm Thị Ngọc H đã được Tòa án cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng bà H và bà L vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bà Lâm Thị Ngọc H và bà Lâm Thị Ngọc L.

[2] Nguyên đơn bà Kim Thị Sô N rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung, không yêu cầu bà Lâm Thị Ngọc H và bà Lâm Thị Ngọc L thanh toán nợ. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn là tự

nguyên, không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia tài sản khi ly hôn.

Về nội dung:

[1] Vụ kiện của bà Kim Thị Sô N và ông Lâm Thanh T là loại kiện hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”. Bà Kim Thị Sô N và ông Lâm Thanh T kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T Đ, huyện MX, tỉnh ST. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Kim Thị Sô N và ông Lâm Thanh T là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa hôm nay, bà N vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông T, vì bà N cho rằng không còn tình cảm với ông T, giữa bà và ông T không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Ông T thừa nhận vợ chồng không còn hạnh phúc, bà N kiên quyết ly hôn thì ông cũng không có cách nào hàn gắn tình cảm vợ chồng và ông cũng thống nhất ly hôn với bà N. Xét thấy, giữa bà N và ông T không còn tình cảm với nhau, cuộc sống không thể hòa thuận. Như vậy, mục đích hôn nhân giữa bà Kim Thị Sô N và ông Lâm Thanh T không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Kim Thị Sô N.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Kim Thị Sô N và ông Lâm Thanh T có 02 người con tên Lâm Ngọc T, sinh ngày 28/01/2015 và Lâm Thanh T1, sinh ngày 23/10/2017. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được nuôi 01 người con tên Lâm Thanh T1 đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Ông T yêu cầu được nuôi 01 người con tên Lâm Ngọc T đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, bà N và ông T đã thỏa thuận với nhau về người trực tiếp nuôi con, thỏa thuận với nhau về quyền, nghĩa vụ của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con, hơn nữa cháu T1 chưa đủ 36 tháng tuổi nên bà N yêu cầu được nuôi cháu T1 là phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Điều 81 của luật hôn nhân và gia đình giao cho bà N được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lâm Thanh T1 và giao cho ông T được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lâm Ngọc T đến tuổi trưởng thành. Bà Kim Thị Sô N và ông Lâm Thanh T được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Kim Thị Sô N và ông Lâm Thanh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn rút một yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia tài sản khi ly hôn, không đặt ra xem xét về tài sản chung.

[5] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà Kim Thị Sô N phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung theo quy định tại khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và theo quy định tại khoản 3 Điều 18; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 3 Điều 218; khoản 2 Điều 244; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 3 Điều 18; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Kim Thị Sô N được quyền ly hôn với ông Lâm Thanh T.

[2] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Kim Thị Sô N về yêu cầu chia tài sản chung đối với số tiền 16.000.000 đồng và 1,5 chỉ vàng 24k đã cho bà Lâm Thị Ngọc H vay và số tiền 20.000.000 đồng cho bà Lâm Thị Ngọc L vay.

[3] Về con chung: Giao cho bà Kim Thị Sô N được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lâm Thanh T1, sinh ngày 23/10/2017 đến tuổi trưởng thành; giao cho ông Lâm Thanh T được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lâm Ngọc T, sinh ngày 28/01/2015 đến tuổi trưởng thành.

[4] Bà Kim Thị Sô N và ông Lâm Thanh T được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Kim Thị Sô N và ông Lâm Thanh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ chung: Bà Kim Thị Sô N và ông Lâm Thanh T trình bày không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí:

[8.1] Bà Kim Thị Sô N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000043 ngày 02/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên. Như vậy, bà N đã nộp xong.

[8.2] Bà Kim Thị Sô N được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung là 526.000 đồng mà bà N đã nộp theo biên lai thu số 0000087 ngày 10/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- UBND xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên:
(CNKH số 86/2014, quyền số 01/2014
ngày 17/3/2014);
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THA dân sự huyện Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ái Mỹ

